

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 423/2008/TLST- DS ngày 29 tháng 07 năm 2008 việc “Tranh chấp đòi tài sản và tranh chấp thừa kế nhà và quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Đức S**, sinh năm 1971

Địa chỉ: 218 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn : Bà **Nguyễn Thị Bạch L**, sinh năm 1951

Đại diện theo uỷ quyền của bà Liễu: ông **Nguyễn Đức M**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: 218 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ **Bà Nguyễn Thị D**, sinh năm 1944 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: M107/5C khu phố E, phường F, thị xã D, tỉnh Tây Ninh

2/ **Bà Võ Thị Mỹ C**, sinh năm 1964

Địa chỉ: 17/3 Ấp G, xã H, thị xã D, tỉnh Tây Ninh

3/ **Ông Võ Thanh T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: M108/8A khu phố E, phường F, thị xã D, tỉnh Tây Ninh

4/ **Ông Võ Ngọc H**, sinh năm 1969

Địa chỉ: M107/5C khu phố E, phường F, thị xã D, tỉnh Tây Ninh

5/ **Ông Nguyễn Đức M**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 218 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ **Ông Nguyễn Đức T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 218 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ **Bà Nguyễn Thị Minh C**, sinh năm 1977 (Quốc tịch Việt Nam)

8/ **Ông Nguyễn Đức T**, sinh năm 1982 (Quốc tịch Việt Nam)

Cùng địa chỉ: Đường K, 21d 1724 Sarpsborg Norway (Na Uy)

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Minh C có ông: **Nguyễn Đức M.**

Địa chỉ: 218 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất phân di sản do ông Nguyễn Thành T chết để lại là 2847,45m² đất tại địa chỉ số 67/7A Đường A1, ấp I, xã B, huyện C, nay là số 218 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Bạch L, Ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Minh V, ông Nguyễn Đức M, ông Nguyễn Đức T đồng ý giao cho ông Nguyễn Đức S, ông Võ Ngọc H, ông Võ Thanh T, bà Võ Thị Mỹ C diện tích đất là 1000m² (một nghìn mét vuông) có vị trí phía bên trái sát hẻm 218 tính từ ngoài nhìn vào theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ngày 29/12/2017 số hợp đồng: 17552/ĐĐBĐ – CNTĐ (CS1). Ranh giới phần đất các bên giao nhận được thể hiện bằng ký hiệu nét đứt màu xanh dương trên Bản đồ hiện trạng vị trí nêu trên.

Ông Nguyễn Đức S, Ông Nguyễn Đức T, ông Võ Ngọc H, ông Võ Thanh T, bà Võ Thị Mỹ C cùng thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Đức M.

Bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản từ chối nhận di sản của ông Nguyễn Thành T chết để lại và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Bạch L; Ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Minh C, ông Nguyễn Đức M, ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Đức S, ông Võ Ngọc H, ông Võ Thanh T, bà Võ Thị Mỹ C diện tích đất 1.000m² (một nghìn mét vuông) nêu trên ngay sau khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức S phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 9.375.000 đồng (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Đức S đã nộp là 8.620.000 đồng (tám triệu sáu trăm

hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006536, quyển số 0131, ngày 03/12/2008 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Nguyễn Đức S phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Võ Ngọc H phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 9.375.000 đồng (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Võ Ngọc H đã nộp là 8.620.000 đồng (tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006537, quyển số 0131, ngày 03/12/2008 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Võ Ngọc H phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Võ Thanh T phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 9.375.000 đồng (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Võ Thanh T đã nộp là 8.620.000 đồng (tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006538, quyển số 0131, ngày 03/12/2008 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Võ Thanh T phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thị Mỹ C phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 9.375.000 đồng (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Mỹ C đã nộp là 8.620.000 đồng (tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006539, quyển số 0131, ngày 03/12/2008 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Võ Thị Mỹ C phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 15.250.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Bạch L theo biên lai thu tiền số 000400, quyển số 0008, ngày 18/4/2008 do bà Nguyễn Thị Bạch L đã nộp tại Thi hành án dân sự Quận C (nay là Chi Cục Thi hành án dân sự Quận C).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phan Thị Liên